

W.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010**

Hà Nội, tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

1. Những sự kiện quan trọng
2. Quá trình phát triển
3. Ngành nghề kinh doanh
4. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2010
2. Các chỉ tiêu hiệu quả chủ yếu trong năm 2010

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Báo cáo tình hình tài chính
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2011 và những năm tiếp theo

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành
3. Quyền lợi của Ban TGD và Giám đốc các đơn vị thành viên
4. Số lượng CBCNV và chính sách người lao động
5. Những thay đổi TV HĐQT/BKS/BTGD/ KTT

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát
2. Cơ cấu cổ đông

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

1- Những sự kiện quan trọng

1.1)- Thành lập doanh nghiệp

- Xí nghiệp liên hợp Vận tải biển pha sông - VISERITRANS (*tiền thân của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô hiện nay*) là một doanh nghiệp Nhà nước hạng 1 được thành lập lại theo Quyết định số 1068/QĐ/TCCB-LĐ, ngày 01/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải (*vì trước đó đã được thành lập và triển khai hoạt động trên cơ sở Nghị định số 274/HĐBT, ngày 04/12/1985 của Hội đồng Bộ trưởng*) với nhiệm vụ ban đầu là thí điểm áp dụng phương thức “*vận tải biển pha sông*” để trực tiếp đưa xi măng, phân bón, sắt thép, máy móc ... từ các cảng sông vùng Đồng bằng Bắc bộ vào đến tận các cảng sông Đồng bằng Nam bộ và đưa nhanh gạo, lương thực ra miền Bắc theo chiều ngược lại. Thời gian này, trụ sở giao dịch chính của XNLH được đặt tại số 80B phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Kể từ sau khi trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo tinh thần Quyết định số 250/TTg, ngày 29/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ, Xí nghiệp liên hợp Vận tải biển pha sông đã được tổ chức lại và bắt đầu hoạt động trên cơ sở “*Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp liên hợp Vận tải biển pha sông*” ban hành kèm theo Quyết định số 578/QĐ-HĐQT, ngày 21/6/1996 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Đồng thời, chức năng và phương thức hoạt động của XNLH cũng đã dần được thay đổi, bổ sung khác hẳn thời kỳ mới được thành lập.

- Đến tháng 10/2003, Xí nghiệp liên hợp Vận tải biển pha sông đã đổi tên doanh nghiệp thành “*Công ty Hàng hải Đông Đô*” và chuyển trụ sở giao dịch chính từ số 80B phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội về số 58 đường Nghi Tàm, quận Tây Hồ, Hà Nội theo tinh thần Quyết định số 778/QĐ-HĐQT, ngày 10/10/2003 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

1.2)- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

- Ngày 25/12/2006, Công ty Hàng hải Đông Đô chính thức hoạt động dưới hình thức “*công ty cổ phần*” với tên gọi “**Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô**”, tên viết tắt là DONG DO MARINE theo tinh thần Quyết định số 180/2005/QĐ-TTg, ngày 18/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ “*Về việc điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới công ty Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam năm 2005 - 2006*”. Và cũng kể từ ngày 25/12/2006, Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô hoạt động SXKD trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

1.3)- Vốn điều lệ và quá trình niêm yết

- Số vốn điều lệ từ khi bắt đầu chuyển sang hoạt động dưới hình thức “công ty cổ phần” của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô là 89.200.000.000 đồng (tám mươi chín tỷ, hai trăm triệu đồng) được phát hành thành 8.920.000 cổ phần (tám triệu, chín trăm hai mươi nghìn cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).

- Ngày 08/7/2008, Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô đã niêm yết 8.920.000 cổ phần của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DDM (Quyết định số 74/QĐ-SGDHCM, ngày 08/07/2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 03/01/2009, Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô đã thực hiện xong “Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2008 và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm”. Theo đó, Công ty đã bổ sung thêm 33.244.950.000 đồng (ba mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) vào vốn điều lệ, tăng tổng vốn điều lệ hiện có từ 89.200.000.000 đồng/8.920.000 cổ phần lên thành 122.444.950.000 đồng/12.244.495 cổ phần.

Trong tổng số 122.444.950.000 đồng/12.244.495 cổ phần thì cổ đông Nhà nước nắm giữ 6.854.573 cổ phần (bằng 55,98%) và các cổ đông khác nắm 44,02% còn lại.

2- Quá trình phát triển

Sau gần 25 năm thành lập, có thể tạm chia quá trình phát triển của Công ty thành các giai đoạn sau:

2.1)- Giai đoạn 1985 - 1988:

Đây là giai đoạn gây dựng lực lượng, đầu tư - phát triển rầm rộ nhất cả về tổ chức, số lượng tàu, lao động và quy mô SXKD. Trong thời gian này, VISERITRANS được Lãnh đạo Chính phủ, Bộ GTVT cho hưởng những ưu đãi đặc biệt có tính chất bao cấp của Nhà nước về vốn đầu tư, nguồn hàng, giá nhiên liệu và giá cước vận tải - với nhiệm vụ thử nghiệm phương thức vận chuyển trực tiếp xi măng, phân bón, sắt thép, máy móc... từ các cảng sông vùng Đồng bằng Bắc bộ vào đến tận các cảng sông Đồng bằng Nam bộ và đưa gạo, lương thực, thực phẩm theo chiều ngược lại bằng loại tàu biển pha sông có khả năng cơ động cao, nhằm phục vụ một số nhiệm vụ chính trị - xã hội cấp bách thời bấy giờ.

Chỉ sau một thời gian ngắn, VISERITRANS đã có một đội tàu biển pha sông mạnh gồm 24 chiếc với tổng trọng tải khoảng gần 20.000 DWT, có mớn nước nông, công suất máy lớn, trọng tải nhỏ từ 400 - 1.200 DWT/chiếc đóng trong nước bằng nguồn vốn do NSNN cấp. Ngoài ra, còn được tiếp nhận Cảng sông Khuyến Lương (Hà Nội), Cảng sông Nam Định, Bến Bình Thủy (Cần Thơ) và rất nhiều cơ sở vật chất - kỹ thuật khác với trên 1.500 lao động... nhằm tạo ra một dây chuyền kinh doanh khai thác đồng bộ, khép kín phù hợp với phương thức “vận tải biển pha sông” thời bấy giờ.

2.2)- Giai đoạn 1989 - 1996:

Đây là thời kỳ cả nước Việt Nam chuyển dịch từ mô hình kinh tế tập trung - bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường và cũng là giai đoạn phát triển khó khăn nhất trong lịch sử VISERITRANS:

- Đến khoảng trước năm 1990, VISERITRANS tiếp tục phát triển thuận lợi và bắt đầu có những nỗ lực để chuyển hướng đầu tư sang nhóm tàu biển chuyên dụng có trọng tải lớn hơn để tiến tới hội nhập với Ngành Hàng hải Việt Nam. Tuy nhiên, do không còn được hưởng những ưu đãi như thời kỳ kinh tế bao cấp và phải đối mặt trực tiếp với những thử thách mới trên thị trường vận tải, cũng như do một số sai lầm chủ quan trong hoạt động đầu tư - phát triển, quản lý - điều hành... nên từ cuối năm 1993 đã xuất hiện những dấu hiệu suy thoái đầu tiên. Ngoài ra, còn có một nguyên nhân không kém phần quan trọng khác là do đội tàu vận tải biển pha sông đóng trong nước ngày càng bộc lộ rõ những yếu điểm nghiêm trọng về tỷ suất tiêu hao nhiên liệu/tấn trọng tải, chất lượng kỹ thuật, trang thiết bị - nghi khí hàng hải, khả năng hoạt động trên biển và đặc biệt là do chủ yếu chỉ sử dụng dầu diesel (DO) có giá thành cao nên hiệu quả kinh doanh - khai thác đội tàu rất thấp.

- Bắt đầu từ đầu năm 1994, VISERITRANS đã thực sự lâm vào tình trạng kinh doanh thua lỗ kéo dài, hoàn toàn mất khả năng tự cân đối về tài chính, chủ trương đầu tư - phát triển đội tàu vận tải biển chuyên dụng thất bại nặng nề với đỉnh điểm là vụ mua tàu Hy Vọng/New Hope - 7.620 DWT đầy tai tiếng, nội bộ ngày càng lục đục mất đoàn kết trầm trọng. Đây là những nguyên nhân chủ yếu không chỉ làm cho SXKD bị đình trệ, nợ nần chồng chất, mà còn đẩy hơn 1.200 lao động lâm vào tình trạng khốn cùng, bản thân doanh nghiệp đã thừa đủ điều kiện để tuyên bố phá sản...

- Tuy nhiên, việc Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển VISERITRANS thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam vào cuối năm 1996 là một sự kiện quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt mới trong lịch sử hình thành và phát triển, đồng thời cũng là điểm khởi đầu cho những thay đổi vô cùng to lớn về sau.

2.3)- Giai đoạn 1997 - 1999:

- Từ năm 1997, bằng những cố gắng tự thân của chính mình và nhất là nhờ sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ mọi mặt của Lãnh đạo Tổng công ty HHVN thời kỳ đó, cũng như của các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty HHVN, bạn hàng truyền thống và một số cơ quan quản lý Nhà nước hữu quan, tập thể người lao động trong VISERITRANS không chỉ đã hoàn thành thắng lợi "*Kế hoạch 02 năm chống phá sản 1997- 1999*" và tạm thời chặn đứng nguy cơ phá sản doanh nghiệp, mà còn tạo ra được nhiều tiền đề cơ bản cho giai đoạn tiếp theo.

- Từ cuối năm 1999 trở đi, VISERITRANS bắt đầu tiến hành đổi mới căn bản về cơ cấu tổ chức, nhân sự lãnh đạo chủ chốt và phương thức quản lý - điều hành, quản trị doanh nghiệp. Đặc biệt, Ban Lãnh đạo mới đã khởi xướng và vận động CBCNV trong toàn doanh nghiệp quyết

tâm thực hiện quyết sách lớn “*kiên quyết từ bỏ phương thức vận tải biển pha sông đã lạc hậu, từng bước vươn ra hoạt động trên các tuyến vận tải biển quốc tế ngắn là chủ yếu...*” . Có thể coi đây là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo sự thắng lợi của công cuộc đổi mới doanh nghiệp lần thứ I (1997 - 2000).

2.4)- Giai đoạn 2000 - 2006:

- Phát huy thắng lợi của Kế hoạch 02 năm chống phá sản 1997 - 1999 và lấy lời dạy bất hủ của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm “*Nhất tâm vạn sự thành*” làm tôn chỉ, cũng như tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, đối tác bạn hàng trong ngoài nước và kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp do các thế hệ trước để lại..., với thương hiệu mới là Công ty Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE), Ban Lãnh đạo đã chớp đúng thời cơ tăng tốc đầu tư - phát triển, mở rộng quy mô sản xuất với những bước đi mạnh dạn, nhưng vừa sức và phù hợp với nhu cầu thị trường. Đồng thời, tiếp tục khắc phục triệt để các yếu điểm, cũng như những tồn tại khác về công nghệ, tiền vốn, công nợ, chất lượng lao động, uy tín kinh doanh do lịch sử để lại và ưu tiên tập trung cải thiện chất lượng quản lý - điều hành doanh nghiệp, nguồn vốn con người trước một bước so với các dự án đầu tư phát triển trọng điểm...

- Trong thời gian từ năm 2000 - 2004, DONG DO MARINE đã nâng tổng trọng tải đội tàu vận tải biển chuyên dụng lên tới 61.350 DWT, tăng gấp gần 10 lần so với thời kỳ trước chỉ bằng vốn vay thương mại và vốn đối ứng tự huy động không cần sự bảo lãnh của bất cứ một tổ chức pháp nhân nào khác... Bắt đầu từ năm 2005, trong khuôn khổ thực hiện chủ trương trẻ hoá đội tàu vận tải biển hiện có và từng bước xử lý dứt điểm nhóm tàu biển pha sông cũ nát còn lại để phát triển sang các thị trường mới ngoài khu vực Đông Nam Á. Bắc Á như Nam Mỹ, Tây Phi... DONG DO MARINE đã ký hợp đồng đóng mới tàu chở hàng khô Đông Ba - 6.500 DWT (đưa vào khai thác từ đầu tháng 6/2006), mua tàu Đông Thọ (10.094 DWT), chuẩn bị đóng mới tàu chở hàng khô Đông Phú - 12.500 DWT và xây dựng kế hoạch phát triển nhóm tàu chở hàng khô cỡ handy size (đến dưới 40.000 DWT/chiếc) cho giai đoạn 2008-2010... để thay thế, bổ sung cho đội tàu vận tải biển hiện có.

Có thể nói, những thành tựu nổi bật trong hoạt động đầu tư - phát triển và quản lý - khai thác đội tàu vận tải biển thời kỳ 2000 - 2004 cực kỳ quan trọng và là nhân tố quyết định dẫn đến những thắng lợi chung vô cùng to lớn của DONG DO MARINE.

Song song với chủ trương tăng cường phát triển đội tàu vận tải biển và thực hiện việc chiêu hiền đãi sỹ, chủ động cải thiện chất lượng lao động, DONG DO MARINE rất chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hoá ngành nghề SXKD và tăng cường năng lực cạnh tranh thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Chi nhánh Hải phòng, Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh... Ngoài ra, đã và đang xúc tiến đầu tư sang một số lĩnh vực kinh doanh tuy hoàn toàn mới mẻ so với truyền thống, nhưng có rất nhiều triển vọng là cung ứng dịch vụ sửa chữa tàu biển và kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê, du lịch lữ hành...

- Thực tế cho thấy, chủ yếu là bằng nội lực và sự tự trọng của chính mình, tập thể người lao động trong doanh nghiệp đã xử lý dứt điểm tất cả các di chứng xấu do lịch sử để lại và cải thiện đáng kể chất lượng sống của người lao động, đóng góp ngày càng nhiều cho Ngân sách Nhà nước, Tổng công ty HHVN... Ngoài ra, còn chủ động tạo ra rất nhiều thể và lực để chuẩn bị vươn lên một tầm cao mới, phấn đấu trở thành “*một doanh nghiệp hàng hai loại vừa - phát triển bền vững - có bản sắc riêng ở Việt Nam*” sau khi chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ cuối năm 2006.

Có thể nói trong giai đoạn từ 2000 - 2006, do hội đủ các yếu tố “*Thiên thời - Địa lợi - Nhân hoà*” nên DONG DO MARINE đã có những bước phát triển mang tính chất bứt phá đầy sáng tạo, làm thay đổi toàn diện và sâu sắc mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp, tạo ra một uy tín kinh doanh và thực lực kinh tế mạnh hơn hẳn tiền thân của mình là VISERITRANS trước đây.

2.5)- Giai đoạn từ tháng 12/2006 đến nay:

Sau khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức “*công ty cổ phần*” vào cuối năm 2006, DONG DO MARINE đang tiếp tục phát triển rất tốt và cơ bản hoàn thành trước thời hạn hầu hết các nhiệm vụ công tác, chỉ tiêu kinh tế do ĐHĐCĐ lần thứ nhất giao trong Kế hoạch năm 2007:

- *Về quản lý - điều hành, quản trị doanh nghiệp:* - Đã hoàn tất công tác sắp xếp, tổ chức lại bộ máy và lao động theo mô hình tổ chức mới. Đồng thời hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ, nhằm cụ thể hóa các chuẩn mực và định chế quản trị, quản lý - điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ, cũng như Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

- *Về hoạt động SXKD:* - Kết quả SXKD năm 2007 là rất tốt, thậm chí hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, tổng lợi nhuận cả năm 2007 do ĐHĐCĐ lần thứ nhất giao. Đồng thời, DONG DO MARINE không chỉ tận dụng tối đa các cơ hội thị trường để ổn định và tăng mạnh kết quả SXKD, đầu tư - phát triển mà còn mở rộng thêm quy mô hoạt động, góp phần thực hiện chủ trương đa dạng hóa - đa phương hóa hoạt động SXKD theo đúng tinh thần các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, tạo ra nhiều tiền đề tốt đẹp cho kế hoạch SXKD, phát triển thị trường và quy mô hoạt động trong nhiều năm tới.

Từ tháng 8/2008 đến nay, cũng như các doanh nghiệp trong ngành khác, hoạt động SXKD chính của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô là kinh doanh - khai thác vận tải biển bị ảnh hưởng lớn của suy thoái kinh tế thế giới. Nhận thức được điều này, Lãnh đạo Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm cắt giảm tối đa chi phí, tập trung quản lý chặt chẽ tình trạng kỹ thuật đội tàu, tăng cường các hoạt động SXKD phụ trợ khác ... để hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao cho và chờ thị trường phục hồi.

- Về đầu tư - phát triển : - Hầu hết các chỉ tiêu về đầu tư phát triển 04 năm (2006 - 2010) đã được Công ty hoàn thành.

+ Dự án đóng mới tàu Đông Phú/12.500 DWT đã được hoàn thành và đưa vào khai thác từ 04/02/2009 với tổng mức đầu tư 13.508.940 USD.

+ Dự án Đầu tư - Xây dựng - Khai thác Nhà máy sửa chữa tàu biển Đông Đô tại Hải Phòng nói chung đã hoàn thành các gói thầu xây dựng cơ sở hạ tầng. Tháng 4/2009, Công ty đã góp vốn cùng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành lập Công ty TNHH Hai thành viên Sửa chữa tàu biển VDS với số vốn điều lệ là 100 tỷ đồng trên cơ sở Dự án nêu trên (DONG DO MARINE góp 49% và VINALINES góp 51% vốn điều lệ).

+ Dự án đầu tư tàu chở hàng rời Đông Thanh/28.502 DWT: Đây là tàu cỡ handy-size được Công ty đầu tư vào tháng 8/2009 với tổng mức đầu tư 283 tỷ đồng. Hiện nay tàu đang hoạt động bình thường và được khai thác có hiệu quả.

3- Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 cấp ngày 10/6/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 2) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô có các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện, thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Đại lý hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Kinh doanh vật tư thiết bị hàng hóa;
- Trục vớt, cứu hộ;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Tổ chức nạo vét vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình;

- Thi công nền móng mặt đường bộ, đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi và các dịch vụ xây dựng cơ bản khác;

- Đại lý và môi giới vận chuyển hàng hóa;

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;

- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và du lịch lữ hành;

- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho thuyền viên;

- Quản lý, vận hành, sửa chữa hạ tầng nhà ở và văn phòng;

- Vận hành, sửa chữa thiết bị, máy móc cho khu nhà ở và văn phòng;

- Dịch vụ dọn vệ sinh; trang trí phong cảnh; trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô.

4- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tập trung phát triển mảng kinh doanh chính của Công ty là khai thác đội tàu vận tải biển trên các tuyến quốc tế bằng nhóm tàu chở hàng khô, hàng rời đến cỡ từ handy - size trở xuống. Từng bước đổi mới cơ cấu đội tàu, tăng cường hiệu quả quản lý - khai thác đội tàu.

- Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác như: vận tải bộ, đại lý vận tải container, cho thuê văn phòng - kho bãi, cung ứng lao động hàng hải trong và ngoài nước, đại lý chủ tàu, quản lý tàu thuê ...

- Tiếp tục cắt giảm các chi phí không hợp lý, hoàn thiện hệ thống định mức và cơ chế quản lý có tính chuyên nghiệp cao, gia tăng hiệu quả quản lý - điều hành, tăng lợi nhuận, tăng mức chia cổ tức cho các cổ đông hàng năm.

II- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

1- Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010

1.1)- Hoat động SXKD:

- Xiết chặt công tác quản lý nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa cho việc khai thác an toàn đội tàu vận tải biển. Ban hành và điều chỉnh các văn bản, quy chế của doanh nghiệp nhằm động viên, khuyến khích người lao động, tăng năng suất lao động và cắt giảm các chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai, duy trì và hoàn thiện Bộ luật Quản lý An toàn (ISM Code) và Bộ luật An ninh tàu và cảng biển (ISPS Code) nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và an ninh tàu biển trong việc khai thác tàu trên tuyến quốc tế theo tiêu chuẩn của phân cấp Nhật Bản (NK).

- Lần đầu tiên kể từ ngày thành lập, Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô đã quản lý và khai thác tốt loại tàu handy - size hoạt động trên các tuyến xa (Châu Úc và Châu Mỹ) an toàn và hiệu quả.

- Tiếp tục các hợp đồng “cho thuê tàu định hạn” đối với Người thuê tàu Nhật Bản nhằm đảm bảo “đầu ra” cho đội tàu của Công ty trong điều kiện suy thoái kinh tế thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp.

- Các hoạt động SXKD khác như: cho thuê văn phòng, vận tải bộ, đại lý vận tải container ... vẫn tiếp tục được triển khai như kế hoạch.

1.2)- Hoạt động đầu tư - phát triển:

- Trong tình hình nguồn vốn tín dụng thương mại dành cho đầu tư - phát triển trong nước khó tiếp cận, hầu hết các dự án đầu tư của Công ty vẫn được triển khai đúng hạn. Công ty đã cấu trúc lại một số danh mục đầu tư nhằm dồn nguồn tài chính cho một số các dự án có nhu cầu cấp thiết để sớm đưa vào hoạt động; giảm một số dự án đầu tư đang trong giai đoạn nghiên cứu chờ đến khi thị trường vận tải biển hồi phục.

- Sau một thời gian triển khai các thủ tục có liên quan, đến đầu năm 2010, Công ty đã khởi công Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Quản lý - Đào tạo và Huấn luyện lao động Hàng hải Đông Đô tại khu đất 47 Lương Khánh Thiện, thành phố Hải Phòng.

2- Các chỉ tiêu hiệu quả chủ yếu trong năm 2010

- Doanh thu đạt 297.392.809.339 đồng bằng 107,59% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua từ đầu năm.

- Kết quả kinh doanh cả năm 2010 của Công ty bị lỗ 74,315 tỷ đồng do nguyên nhân chủ yếu là lỗ do chênh lệch tỷ giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

III. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

1/ Báo cáo tình hình tài chính:

+ Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô luôn giữ được tính ổn định trong bộ máy tổ chức điều hành. Điều đó tạo thuận lợi cho việc thực hiện các kế hoạch về SXKD của DONGDO MARINE và là tiền đề để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Doanh thu thực hiện của cả năm 2010 đạt 297.392.809.339 VNĐ/kế hoạch là 276.417.003.000VNĐ đạt 107,59% kế hoạch năm. Tuy nhiên, tổng chi phí thực tế là rất lớn, ở mức 371,708 tỷ đồng chủ yếu là do chênh lệch biến động tỷ giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn. Do đó, kết quả kinh doanh cả năm 2010 của Công ty bị lỗ hơn 74,3 tỷ đồng.

Tổng tài sản ở thời điểm 31/12/2010 là 1.337.045.388.997 đồng giảm khoảng 128 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu ở mức 71.918.085.752 đồng giảm 50,236 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2009. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do kết quả kinh doanh của năm 2010 bị lỗ như đã nêu.

Chỉ số chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần là 5,5% phản ánh năng lực quản lý chi phí của công ty trong năm 2010 là tương đối hiệu quả.

+ Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính bị âm hơn 85,636 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là trả nợ gốc và lãi tiền vay ngắn và dài hạn. Để có đủ tiền cho hoạt động thường xuyên của Công ty, hoạt động kinh doanh chính đã phát huy hiệu quả và dòng tiền thu về từ hoạt động kinh doanh là hơn 87,384 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư cũng đem lại lượng tiền thuần là hơn 14,155 tỷ đồng từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và việc thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác. Dòng tiền từ hai hoạt động đó đã tạo nguồn, bù đắp cho dòng tiền thiếu hụt từ hoạt động tài chính.

Số dư tiền mặt cuối kỳ là hơn 21,803 tỷ đồng, tăng đáng kể so với số dư ngày 31/12/2009 chủ yếu là do tiền chuyển nhượng bãi An Hải vào thời điểm cuối năm, nên tiền mặt vẫn còn trong tài khoản của Ngân hàng. Ngoại trừ khoản tiền đó, số tiền còn lại không nhiều, phản ánh việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn, không để nhàn rỗi.

+ Các hoạt động SXKD chính đạt kết quả khá ổn định, khẳng định tinh đúng đắn và sự nỗ lực, cố gắng trong việc định hướng chiến lược phát triển và trực tiếp điều hành của Ban Lãnh đạo trong các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Trong năm 2010, công ty cũng đã thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty về việc bán toàn bộ tài sản và quyền thuê khu kho bãi An Hải rộng 9,775 m2 tại quận Hải An, Hải Phòng. Đây là một biện pháp nhằm tái cơ cấu lại nguồn vốn tự có, cải thiện khả năng tự chủ về tài chính của Công ty. Đồng thời tạo ra một khoản lợi nhuận bất thường, cải thiện khả năng thanh toán và trả nợ cho toàn Công ty.

+ Tổng cộng tài sản đến ngày 31/12/2010: 1.337045 tỷ VNĐ.

+ Tổng số cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2010: 12.244.495 cổ phần, trong đó:

- Cổ phần phổ thông : 12.244.492 cổ phần

- Cổ phần quỹ : 03 cổ phần.

2/ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng so sánh kết quả thực hiện 2010-2009 (xin xem bảng phụ lục kèm theo).

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

3.1)- Công tác tổ chức:

Năm 2010, cùng với nỗ lực khắc phục các khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, một trong những nhiệm vụ của Công ty là tiếp tục "*Ổn định, chấn chỉnh bộ máy tổ chức nhân sự*". Vì vậy, trong năm 2010, cùng với việc phát huy các lợi thế có được từ những năm trước trong tổ chức nhân sự, Công ty tiếp tục có sự ổn định về tổ chức bộ máy và nhân sự tại công ty. Công ty đang cố gắng xây dựng một mô hình hoạt động hợp lý/hiệu quả trong việc quản lý các hoạt động SXKD, tăng tính kết nối giữa các bộ phận trong Công ty và giữa các đơn vị thành viên với nhau.

3.2)- Về chính sách quản lý và các biện pháp kiểm soát hoạt động:

Cùng với nhiệm vụ ổn định bộ máy tổ chức, công ty đã tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung nhiều chính sách liên quan đến quản trị nhân sự/quản trị doanh nghiệp:

* Quy chế phân cấp về tổ chức và nhân sự: Mục đích phân cấp rõ ràng, tạo sự chủ động cho các đơn vị thành viên trong việc quản trị doanh nghiệp theo vị trí và phân cấp được giao.

* Quy chế quản lý tài chính: Mục đích kiểm soát, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tài chính theo các quy định của Công ty và Luật pháp Nhà nước.

* Quy chế trả lương và các chế độ bổ sung theo các vị trí công việc: Mục đích xây dựng các nguyên tắc chi trả lương, mức lương cho các vị trí tương ứng, thống nhất áp dụng chung cho CBNV toàn Công ty, tạo ra cơ sở pháp lý trả lương công bằng, trên cơ sở mức độ đóng góp của mỗi cá nhân, tạo động lực cho CBNV làm việc tích cực và có trách nhiệm cao.

* Công ty đã xây dựng được Quy chế về định mức công tác phí, định mức về điện thoại, định mức về xăng dầu... với mục đích kiểm soát các chi phí liên quan.

* Xây dựng các quy chế quản lý - điều hành hoạt động SXKD, quản lý các chi phí kinh doanh, chi phí nhân sự theo năm tạo sự đổi mới và khoa học trong phương pháp quản lý, tạo chủ động trong điều tiết các chính sách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị nguồn nhân lực..

3.3)- Công tác nhân sự:

Để phù hợp với việc ổn định bộ máy tổ chức, Công ty phải tiến hành đồng bộ và mạnh mẽ việc rà soát, sắp xếp, đào tạo và đào tạo lại lực lượng nhân sự phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của công ty.

* Hoạt động đào tạo: Năm 2010, Công ty đã dành một khoản chi phí và tiến hành các hoạt động đào tạo, nâng cao kỹ năng, kiến thức và năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý từ phó phòng/ban trong toàn công ty, đào tạo các nghiệp vụ SXKD với các vị trí nhân viên, tạo sự phù hợp và đáp ứng cao của đội ngũ nhân sự trong cơ cấu tổ chức mới.

* Với các nhân viên: Tổ chức đào tạo nội bộ, hoặc cử đi đào tạo các chương trình liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn như: Đấu thầu/tài chính/nhân sự/Dịch vụ khách hàng...

4)- Kế hoạch phát triển trong năm 2011 và những năm tiếp theo:

Năm 2011 được HĐQT và ĐHĐCĐ xác định là năm mà nền kinh tế vĩ mô vẫn còn những khó khăn nhất định. Những vấn đề hậu khủng hoảng như chỉ số tiêu dùng (CPI) tăng, lạm phát, khan hiếm nguyên vật liệu - năng lượng, nạn thất nghiệp gia tăng, nợ công của chính phủ tăng lên..... sẽ diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng xấu đến sự hồi phục chung của nền kinh tế. Do đó, trong năm 2011, Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô cần thực hiện một số giải pháp cơ bản như sau:

- Tiếp tục cắt giảm các chi phí không hợp lý cũng như không ngừng cải thiện chất lượng hoạt động quản lý - điều hành nhằm tăng hiệu quả quản lý, tập trung giảm thiểu những sự cố và thiệt hại không đáng có trong việc quản lý - khai thác đội tàu vận tải biển, đầu tư xây dựng cơ bản...

- Đẩy mạnh mảng hoạt động kinh doanh chính là vận tải biển với phương thức kinh doanh chủ yếu là cho thuê tàu định hạn, kết hợp với việc đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khác như: vận tải bộ, đại lý vận tải container, cho thuê văn phòng, cung ứng lao động hàng hải cho các thị trường trong và ngoài nước... Trong đó cố gắng tìm mọi cách giữ hoạt động ổn định cho nhóm tàu container để chờ thời cơ, tạo bước phục hồi ngay khi có thể.

- Tạm thời dừng việc đầu tư các dự án có giá trị lớn cho đến khi thị trường hồi phục trở lại hoặc có thể khắc phục tỷ lệ vốn chủ sở hữu/vốn vay hợp lý. Tuy nhiên, nếu phân khúc thị trường tàu chở hàng khô cỡ handy-size tiếp tục hồi phục khả quan có thể vay tiền đầu tư với lãi suất hợp lý thì sẽ đầu tư 01 tàu đã qua sử dụng, tương tự như tàu Đông Thanh.

- Tiếp tục cơ cấu, bán bớt những tài sản kém sinh lời hoặc gần hết khấu hao để chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tích cực.

*** Kế hoạch cụ thể:**

- Kế hoạch doanh thu: Dự kiến là 315.303.959.000VNĐ, bằng 106,02% so với năm 2010, trong đó:

- + Doanh thu vận tải biển : 290.616.350.000 VNĐ
- + Doanh thu cả các chi nhánh : 21.650.000.000 VNĐ
- + Doanh thu khác : 3.037.609.000 VNĐ
- Kế hoạch lợi nhuận toàn Công ty là : 1.329.328.000 VNĐ

*** Kế hoạch đầu tư - phát triển:**

Do khả năng tài chính còn khó khăn và tình hình chung của thị trường trong năm 2010 sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu còn rất nặng nề..., nên trong năm 2011, HĐQT công ty chỉ chủ trương:

a) Tập trung thực hiện các dự án đang làm dở dang, gồm:

- Xử lý dứt điểm (nhượng bán hoặc góp vốn đầu tư xây dựng) bất động sản tại khu đất số 11 Đường Biệt Thự - Nha Trang.

- Hoàn tất thanh toán với Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội để nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc các giấy tờ tương đương đối với diện tích 1.860,09 m² (sàn tầng II và tầng lửng) - Khu chung cư cao tầng Lạc Trung.

b) Về nguyên tắc, sẽ hạn chế việc đầu tư phát triển đội tàu vận tải biển và cũng không bán tháo nhóm 02 tàu container chuyên dụng cho đến khi xét thấy vẫn cố gắng cầm cự được. Tuy nhiên, đề nghị ĐHCĐ chấp thuận và giao cho HĐQT toàn quyền quyết định bán nhóm tàu này cùng một tàu chở hàng khô đã cao tuổi khác để hình thành khoản vốn tự có đủ để mua thêm 01 tàu chở hàng khô cỡ handy-size khác thay thế khi có cơ hội.

c) Mục tiêu về tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương:

- * Về lao động: Dự kiến kế hoạch lao động năm 2011 là 518 người (tăng 07 người so với năm 2010). Tuy nhiên, việc tuyển dụng lao động mới cần được quản lý chặt chẽ hơn, chủ yếu sẽ chỉ dành cho việc phát triển nhóm lao động trẻ, cam kết làm việc lâu dài hoặc lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao sau khi đã phân loại, giảm bớt lao động không còn phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- * Về tiền lương: Dự kiến tổng quỹ lương năm 2011 là 50.116.305.000 VNĐ (trong đó đã bao gồm 10% dự phòng tính trên Quỹ tiền lương kế hoạch của khối vận tải biển).

- * Quỹ tiền lương kế hoạch của khối thuyền viên dự kiến năm 2011 là 33,227 tỷ VNĐ bằng 105% so với thực hiện năm 2010.

- * Tổ chức thực hiện các quy chế đã xây dựng liên quan đến nhân sự, quản trị, điều hành.

* Tuyển dụng bổ sung các vị trí, chức danh còn thiếu trong bộ máy tổ chức, hoạt động, vận hành nhằm ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự.

* Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với các cán bộ quản lý cũng như các cán bộ nhân viên khác.

* Xây dựng chương trình giữ chân và phát triển nhân tài, xây dựng các tiêu chí về cán bộ nguồn và thực hiện chính sách đào tạo nhằm tạo nguồn bổ sung, thay thế các cán bộ quản lý, tăng tính chủ động và sự ổn định trong bộ máy tổ chức.

* Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên. Định kỳ đánh giá cán bộ và nhân viên theo yêu cầu của công việc.

* Cải thiện môi trường làm việc, có chế độ quan tâm tới đời sống văn hoá tinh thần của từng CBNV tạo sự hiểu biết và cùng nhau hướng tới những mục tiêu phát triển chung của toàn doanh nghiệp.

* Tiếp tục nghiên cứu và đề nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt phương án liên kết các chi nhánh hiện có vào một tổ chức thống nhất.

d)- Mục tiêu về quản trị - điều hành:

* Tiếp tục ổn định bộ máy tổ chức, rà soát, điều chỉnh các bất hợp lý phát sinh trong quá trình vận hành.

* Thực hiện quản lý doanh nghiệp theo hệ thống điều hành chuẩn cho tất cả hoạt động. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, thay thế để xây dựng được hệ thống quản trị thống nhất. Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động giữa các phòng/ban/nhóm/đơn vị.

* Đầu tư cho công nghệ thông tin hiệu quả, hỗ trợ tốt cho hoạt động quản lý SXKD: website, internet, phần mềm kế toán, các phần mềm quản lý khác.

e) Mục tiêu về thị trường, khách hàng:

* Không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động, làm tăng uy tín của Công ty đối với khách hàng.

* Phát triển mối quan hệ các khách hàng truyền thống.

* Đẩy mạnh hoạt động PR, quảng bá thương hiệu thông qua việc tạo lập và phát triển thương hiệu, logo, hồ sơ năng lực...

* Đẩy mạnh các quan hệ với các đối tác trong ngành, nâng cao thương hiệu và vị thế của DONGDOMARINE, tạo cơ hội hợp tác và cùng phát triển.

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

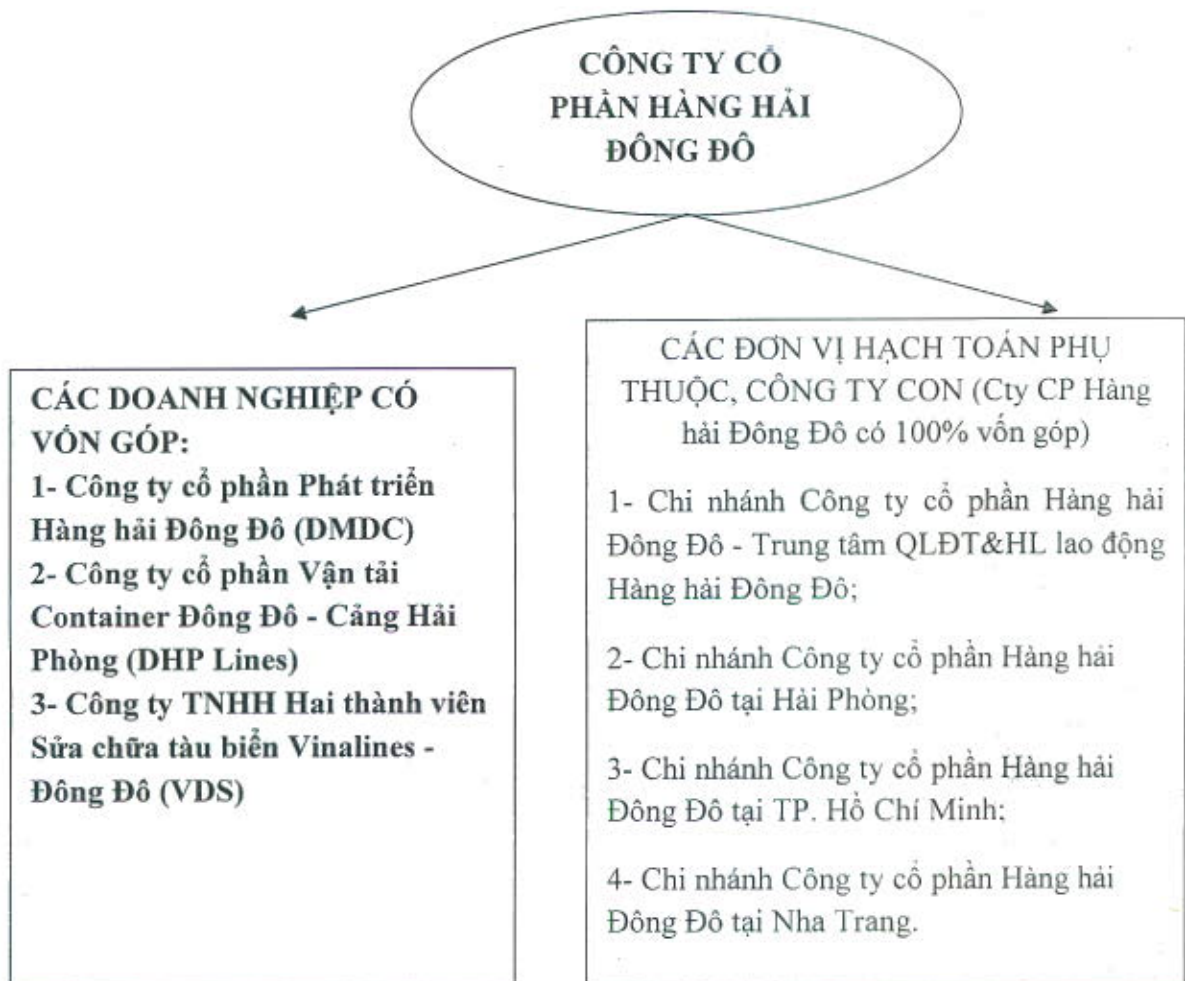
1.) Cơ cấu tổ chức của Công ty:

DONG DO MARINE hiện được tổ chức và quản trị - điều hành trên cơ sở Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Chứng khoán 2006 và Điều lệ Công ty (đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên sửa đổi - bổ sung kể từ ngày 15/5/2009 cho phù hợp với Điều lệ mẫu dành cho tổ chức phát hành, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ- BTC, ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính), cũng như các quy định pháp luật liên quan khác của nước CHXHCN Việt Nam.

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - con, bao gồm Công ty mẹ, các Chi nhánh trực thuộc 100% vốn của DONGDO MARINE và các đơn vị có vốn góp của DONGDO MARINE.

Cụ thể:

Hình 1 - Mô hình Tổ chức SXKD - Đầu tư vốn



1.1) - Cơ quan Công ty:

Trụ sở chính : Tầng 19 Tháp Văn phòng Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Điện thoại : (04).3.7556.140/3.7556.141

Fax: (04).3.7556.149

Email : Dongdo@dongdomarine.com.vn

Website : www.Dongdomarine.com.vn

Các Phòng/Ban tại Văn phòng Công ty:

- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Kỹ thuật - Vật tư;
- Phòng Khai thác tàu biển và Dịch vụ hàng hải;
- Phòng Quan hệ quốc tế - Xuất khẩu lao động và Pháp chế;
- Phòng Hàng hải.

1.2)- Các Chi nhánh:

- *Trung tâm Quản lý - Đào tạo và Huấn luyện lao động Hàng hải Đông Đô:*

Địa chỉ : 47 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng.

Điện thoại : (031).3920131 Fax: (031).3920131

Email : crewcenter@dongdomarine.com.vn

- *Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng:*

Địa chỉ : 21 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Điện thoại : (031).3.551792 Fax: (031).3.552577

Email : haiphong@dongdomarine.com.vn

- *Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Địa chỉ : 62 Bis Huỳnh Thúc Kháng, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08).3.8241404 Fax: (08).3.8224362

Email : saigon@dongdomarine.com.vn

- *Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Nha Trang:*

Địa chỉ : Số 11 Đường Biệt Thự, Nha Trang, Khánh Hòa.

Điện thoại : (058) 3525356 Fax: (058)3 525356

Email : nhatrang@dongdomarine.com.vn.

1.3 - Các Công ty góp vốn cổ phần:

- Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải Đông Đô (DMDC):

Trụ sở chính : Tầng 19 tháp Văn phòng quốc tế Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : (04) 3.7557965 Fax: (04).3.7558064

Email : DMDC@dongdomarine.com.vn

Vốn điều lệ : 50 tỷ VNĐ, trong đó Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô góp 4.5 tỷ đồng tương ứng 9% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (DHP Lines)

Trụ sở chính : Số 4A Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại : (031)3.745588 Fax: (031)3.745858

Email : dhplines@dhplines.com.vn

Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô góp 6,3 tỷ đồng tương ứng 21% vốn điều lệ.

- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines - Đông Đô (VDS)

Trụ sở chính : thôn Trung, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : (031)2672151 Fax: (031)3958929

Email : VDS@dongdomarine.com.vn

Vốn điều lệ : 100 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô góp 49 tỷ đồng tương ứng 49% vốn điều lệ.

2) Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1 - Ban điều hành Công ty

- Ông Bùi Minh Hưng (sinh năm 1955) - Tổng giám đốc

Ông Bùi Minh Hưng (Kỹ sư Khai thác vận tải biển tốt nghiệp tại CHLB Nga) hiện nay là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty. Trước khi được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc, Ông Hưng đã trải qua trên 25 năm làm việc trong ngành vận tải, từng giữ các chức vụ ở các Công ty như sau:

*. Phó Tổng giám đốc Công ty Hàng hải Đông Đô (10/2003 - 12/2006);

*. Phó Tổng giám đốc Xí nghiệp liên hợp Vận tải biển pha sông kiêm Giám đốc Xí nghiệp Vận tải ven biển (6/2000- 9/2003);

*. Giám đốc Chi nhánh Công ty Liên doanh Vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng (1/1998- 5/2000);

*. Phó giám đốc Công ty Vận tải biển Liên doanh Viễn Hải (2/1992-12/1997);

*. Phó Trưởng phòng khai thác - Công ty Container Việt Nam (từ 1/1983-1/1992);

*. Trợ lý vận tải - Lữ đoàn 125 Hải quân (12/1980 -12/1982).

- Ông Nguyễn Thanh Tịnh (Sinh năm 1964)- Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tịnh (Kỹ sư khai thác hàng hải thủy sản) hiện nay là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty, Trưởng phòng QHQT-XKLD & PC. Trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Ông Tịnh đã có thời gian công tác và giữ các chức vụ ở các Công ty như sau:

*. Trưởng phòng Kinh doanh - Đối ngoại và pháp chế Công ty Hàng hải Đông Đô (10/2003- 12/2006);

*. Trưởng phòng Kinh doanh - Đối ngoại và pháp chế Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển pha sông (7/2003- 9/2003);

*. Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển pha sông (12/2001-6/2003);

*. Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Xí nghiệp LHVT biển pha sông(3/2001- 11/2001);

*. Giám đốc Văn phòng đại diện Công ty liên doanh VTB Vinamar Thành phố HCM (1/1997-2/2001);

*. Trưởng phòng Khai thác Công ty liên doanh VTB Vinamar Thành phố HCM(1/1994 - 12/1996);

*. Chuyên viên ở các Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài, Cục Hàng hải Việt Nam, Nhà máy đóng tàu sông cấm Hải Phòng(1989-1993).

- Ông Nguyễn Duy Luân(Sinh năm 1963) - Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Duy Luân (Kỹ sư điều khiển tàu biển/Kỹ sư kinh tế Vận tải biển/ Thuyền trưởng Hàng I) hiện nay là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty/Trưởng phòng KTTB&DVHH. Trước khi làm Phó Tổng giám đốc Ông Luân đã có nhiều năm làm việc tại Công ty và giữ các chức vụ như sau:

*. Trưởng phòng Khai thác tàu biển và Dịch vụ Hàng hải Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô (1/2007-3/2009);

- *. Trưởng phòng Khai thác tàu biển Công ty Hàng hải Đông Đô(10/2003-12/2006);
- *. Trưởng phòng Khai thác tàu biển Xí nghiệp LHVT biển pha sông(7/2003-9/2003);
- *. Trưởng phòng Kinh doanh - Kế hoạch đầu tư, Xí nghiệp Vận tải ven biển thuộc Xí nghiệp LHVT biển pha sông (12/2002-6/2003);
- *. Phó Trưởng phòng Kinh doanh - Kế hoạch đầu tư, Xí nghiệp Vận tải ven biển thuộc Xí nghiệp LHVT biển pha sông (11/1999-11/2002);
- *. Chuyên viên Phòng Khai thác tàu biển, Xí nghiệp Vận tải ven biển thuộc Xí nghiệp Liên hợp vận tải biển pha sông (10/1997-10/1999);
- *. Thủy thủ, Phó 2, Đại phó, Thuyền trưởng trên các tàu của Xí nghiệp LHVT biển pha sông (1/1988-9/1997).

- Ông Cao Tiến Dũng (sinh năm 1961)- Phó Tổng giám đốc

Ông Cao tiến Dũng (Kỹ sư điều khiển tàu biển) hiện nay là Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Trung tâm QLĐT&HL lao động Hàng hải Đông Đô. Trước khi làm Phó Tổng giám đốc Ông Dũng đã có thời gian công tác và làm việc tại Công ty như sau:

- *. Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô - Trung tâm QLĐT&HL lao động Hàng hải Đông Đô (1/2007-9/2009);
- *. Giám đốc Trung tâm thuyền viên Đông Đô thuộc Công ty Hàng hải Đông Đô (5/2006-12/2006);
- *. Phó Giám đốc Trung tâm thuyền viên Đông Đô thuộc Công ty Hàng hải Đông Đô(10/2004- 4/2006);
- *. Giám đốc Trung tâm thuyền viên Đông Đô thuộc Công ty Hàng hải Đông Đô(10/2003 - 9/2004);
- *. Giám đốc Trung tâm thuyền viên Đông Đô thuộc Xí nghiệp LHVT biển pha sông(12/2002 - 9/2003);
- *. Trưởng phòng Nhân chính - Xí nghiệp Vận tải ven biển thuộc Xí nghiệp LHVT biển pha sông (8/1999 -11/2002);
- *. Phó Giám đốc khai thác - Xí nghiệp Lash cứu hộ thuộc Xí nghiệp LHVT biển pha sông (8/1996 - 7/1999);
- *. Thủy thủ, SQ boong trên các tàu của Xí nghiệp LHVT biển pha sông (3/1988 - 7/1996).

- Ông Trần Văn Nghi (Sinh năm 1962)- Phó Tổng giám đốc

Ông Trần Văn Nghi (Kỹ sư Điều khiển tàu biển/ Thuyền trưởng Hạng I) hiện nay là Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Hàng hải. Trước khi là Phó Tổng giám đốc Ông Nghi có thời gian công tác tại các đơn vị như sau:

- *. Trưởng phòng Hàng hải - Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô(7/2007 - 9/2009);
- *. Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô - Trung tâm QLĐT&HL lao động Hàng hải Đông Đô(1/2007 - 6/2007);
- *. Phó Giám đốc - Trung tâm thuyền viên Công ty Hàng hải Đông Đô (4/2006 - 12/2006);
- *. Trưởng phòng thuyền viên - Trung tâm thuyền viên Công ty Hàng hải Đông Đô (8/2004 - 3/2006);
- *. Thuyền thủ, thuyền phó, Thuyền trưởng trên các tàu của Công ty Vận tải biển Việt Nam (1987 - 4/2004).

- Ông Đoàn Minh An (Sinh năm 1976)- Kế toán trưởng

Ông Đoàn Minh An (Cử nhân Tài chính kế toán) có thời gian công tác tại các đơn vị như sau:

- *. Phó Trưởng phòng TCKT Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô (1/2007 - 2/2008);
- *. Phó Trưởng phòng TCKT Công ty Hàng hải Đông Đô (2/2004 - 12/2006);
- *. Chuyên viên Phòng TCKT thuộc Công ty Hàng hải Đông Đô (10/2003 - 01/2004);
- *. Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư, Phòng TCKT thuộc Xí nghiệp Liên hợp vận tải biển pha sông (10/2000 - 9/2003);
- *. Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Việt Nhật - Hải Phòng (7/1999 - 6/2000).

2.2 - Giám đốc các đơn vị thành viên:

- Ông Đinh Hữu Khương (Sinh năm 1959) - Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng.

Ông Đinh Hữu Khương (Kỹ sư máy xếp dỡ) là người am hiểu và nhiều năm kinh nghiệm về tổ chức kinh doanh /dịch vụ logistics và Marketing. Trước khi làm Giám đốc Chi nhánh Công ty, ông Khương có thời gian công tác tại các đơn vị như sau:

- *. Trợ lý Tổng giám đốc - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (3/2007 -9/2007);
- *. Trưởng phòng Marketing Công ty Liên doanh vận tải quốc tế Việt Nhật (1996- 2/2007);
- *. Trưởng phòng Khai thác nghiệp vụ - Viconship Hải Phòng (1994- 1995);
- *. Chuyên viên kỹ thuật - Viconship Hải Phòng (1983 - 1993).

- Ông Nguyễn Huy Huân (sinh năm 1961) - Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Huy Huân (Kỹ sư khai thác máy tàu biển) có thời gian công tác tại các đơn vị khác trước khi làm Giám đốc Chi nhánh như sau:

*. Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/2007- 12/2009);

*. Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Hàng hải Đông Đô tại Thành phố Hồ Chí Minh (8/2004 - 12/2006);

*. Chuyên viên thuộc Chi nhánh Công ty Hàng hải Đông Đô tại Thành phố Hồ Chí Minh (10/2003- 7/2004);

*. Chuyên viên thuộc Chi nhánh Xí nghiệp LHVT biển pha sông tại thành phố Hồ Chí Minh (1/2002- 9/2003);

*. Máy trưởng trên các tàu biển - Công ty Vận tải biển Sài Gòn (1/1997 - 12/2001);

*. Thợ máy tàu biển - Xí nghiệp LHVT biển pha sông (1995 - 1996).

- Ông Cao Tiến Dũng - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô - Trung tâm QLĐT&HL lao động Hàng hải Đông Đô (xin xem phần trên).

3) QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ GIÁM ĐỐC CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

Công ty xây dựng kế hoạch tiền lương dựa trên kết quả SXKD và lợi nhuận được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, có sự phê duyệt của HĐQT Công ty. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng các Quy chế phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

Công ty hiện đang áp dụng Quy chế trả lương và các Thang/Bảng lương cho tất cả các vị trí trong Công ty theo năng lực/khả năng đáp ứng công việc được giao.

Với Ban Giám đốc Công ty được trả lương dựa vào kết quả kinh doanh của Công ty và sự công hiến của từng cá nhân cho sự phát triển SXKD, mức lương cạnh tranh so với thị trường vận tải biển và tương xứng với đóng góp của mỗi vị trí/ công việc được giao đảm nhiệm.

Giám đốc các Công ty con được quyền chủ động trong các hoạt động SXKD dưới hình thức nhận giao vốn - khoán lãi, toàn quyền chủ động trong việc trả lương thưởng.

Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty cũng có chế độ tiền thưởng hàng năm gắn với hiệu quả SXKD chung của Công ty và các đơn vị thành viên.

Các chế độ khác như BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Luật Lao động.

4) Số lượng CBNV và các chính sách đối với người lao động:

4.1 - Số lượng Cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động đến 31/12/2010 đang quản lý và sử dụng 512 lao động (Cơ quan 59 người; Chi nhánh Hải Phòng 39 người; Chi nhánh TP. HCM 19 người; Chi nhánh Nha Trang 01 người; Trung tâm QLĐT&HL lao động Hàng hải Đông Đô 395 người). Trong năm 2010 số lao động trong công ty luôn có sự biến động là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Văn phòng Công ty:

+ Lao động giảm: 08 người .:

+ Lao động tăng: 06 người được Công ty tuyển mới để thay thế cho số lao động thiếu hụt ở các Phòng/Ban do bị điều chuyển hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

- Trung tâm QL-ĐT& HL lao động Hàng hải Đông Đô:

+ Lao động giảm: 101 Thuyền viên hết hạn HĐ thuê thuyền viên và thuyền viên chấm dứt hợp đồng;

+ Lao động tăng: 98 Thuê thuyền viên chất lượng cao (HĐ thời vụ 82 người), tuyển mới 16 lao động có trình độ ĐH, CĐ, TC.

- Chi nhánh Hải Phòng:

+ Lao động giảm: 11 người (chấm dứt HĐLĐ).

+ Lao động tăng: 10 người được tuyển mới để bù đắp cho số lao động giảm và số lao động cần bổ sung do Chi nhánh đầu tư thêm xe ô tô.

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Lao động giảm: 05 người chấm dứt HĐLĐ;

+ Lao động tăng: 02 công nhân kỹ thuật.

Các số liệu trên được Tổng hợp cụ thể qua bảng cơ cấu lao động (Bảng 2 và 3) kèm theo:

- Chi nhánh Thành phố Nha Trang:

+ Lao động giảm: 02 người chấm dứt HĐLĐ;

+ Lao động tăng: 01 chuyên viên (điều động biệt phái từ Công ty)

Các số liệu trên được tổng hợp cụ thể qua bảng cơ cấu lao động (Bảng 2 và 3) kèm theo:

Bảng 2: - Tăng giảm lao động

Bộ phận	Số lao động tại 01/1/2010	Số giảm	Số tăng	Số lao động tại 31/12/2010		
				Nam	Nữ	Tổng
Cơ quan công ty	61	9	6	38	20	58
Trung tâm QLĐT&HL lao động HHĐĐ	399	102	98	387	8	395
Chi nhánh Hải Phòng	40	11	10	30	9	39
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	22	5	2	17	2	19
Chi nhánh Nha Trang	02	2	1	1		1
Toàn Công ty	524	127	116	473	39	512

Bảng 3: Trình độ học vấn và phân công lao động

Chỉ tiêu	Nam	Nữ
Phân theo trình độ học vấn	473	39
1. Trên đại học		01
2. Đại học/cao đẳng	244	27
3. Trung cấp	155	05
4. Công nhân kỹ thuật	42	0
5. Sơ cấp/lao động phổ thông	32	06
Phân theo phân công lao động	474	39
1. HĐQT/Ban điều hành	9	0
2. Lao động quản lý	21	04
3. Lao động trực tiếp	369	05
4. Lao động gián tiếp	75	30

4.2- Chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách phát triển nguồn nhân lực:

Do luôn xác định yếu tố "nguồn vốn con người" có tầm quan trọng đặc biệt và là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp, nên Ban Lãnh đạo đã và sẽ tiếp tục áp dụng nguyên tắc "công tác chuẩn bị về nguồn vốn con người phải luôn đi trước một bước so với các hoạt động khác trong mỗi dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp".

Có thể tóm lược các biện pháp cơ bản để phát triển nguồn nhân lực của DONG DO MARINE như sau:

- Ưu tiên tuyển chọn và đưa cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ có năng lực tham gia các khóa đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn sâu ở trong, ngoài nước để phục vụ cho các kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức SXKD tầm trung và dài hạn.

- Quan tâm bảo vệ quyền lợi và cải thiện chất lượng cuộc sống (lương thưởng, chế độ Bảo hiểm, chăm sóc y tế, quyền lợi tinh thần...), môi trường làm việc thuận lợi cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp.

- Áp dụng chính sách "chiêu hiền đãi sĩ" hợp lý để thu hút ngày một nhiều hơn đội ngũ cán bộ quản lý, sỹ quan thuyền viên, chuyên viên có trình độ, năng lực và tâm huyết từ nơi khác về làm việc cho công ty, khắc phục tình trạng thiếu nhân lực có trình độ cao.

- Bên cạnh việc tiếp tục sàng lọc, giảm thiểu các lao động yếu tay nghề hoặc không đủ tiêu chuẩn tái đào tạo để sử dụng lâu dài, sẽ tập trung phát triển thêm các lao động mới, trẻ hơn và có trình độ chuyên môn phù hợp hơn.

- Phối hợp với các trung tâm đào tạo, tổ chức các lớp đào tạo và đào tạo lại hoặc nâng cao tay nghề, kiến thức chuyên môn cho người lao động. Đồng thời, tận dụng mọi cơ hội để hợp tác trao đổi lao động, huấn luyện nghề với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc trong lĩnh vực vận tải biển và công nghiệp sửa chữa, đóng mới tàu biển và quản lý doanh nghiệp.

- Tuyển chọn những sinh viên, học sinh có năng lực ngay từ sau khi đã hoàn tất chương trình cơ bản bằng các hợp đồng tài trợ học bổng - tuyển dụng để chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển lâu dài.

- Áp dụng chính sách trả lương, thưởng theo thỏa thuận cho từng nhóm đối tượng tùy theo năng lực, trình độ, hiệu quả cống tác chuyên môn cao và nhu cầu đầu tư phát triển của doanh nghiệp để khuyến khích người lao động gắn bó với nghề.

b) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Hiện nay Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô không còn áp dụng hệ thống thang bảng lương dành cho các DNNN, mà vận dụng pháp luật hiện hành để tự xây dựng, đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hệ thống thang bảng lương riêng.

- HĐQT Công ty đã quyết định tổ chức điều hành doanh nghiệp dưới hình thức "Công ty mẹ-con" và Cơ quan Công ty đóng vai trò "Công ty mẹ". Các công ty con được hưởng quyền tự chủ động trong các hoạt động SXKD dưới hình thức giao vốn - khoán lãi, toàn quyền chủ động trong việc trả lương cho người lao động... nhưng không được vượt quá tổng quỹ lương hàng năm và quỹ lương thưởng thêm do có lợi nhuận vượt mức (nếu có) do HĐQT giao cho Tổng Giám đốc điều hành.

- Một chế độ tiền lương hấp dẫn và gắn liền với hiệu suất công tác của từng người lao động luôn được coi là một trong những công cụ quan trọng để thực hiện chính sách thu hút và động viên tập thể người lao động trong doanh nghiệp.

- Định kỳ trả lương vào ngày 05 và 15 hàng tháng trực tiếp vào tài khoản của CBCNV. Riêng đối với sỹ quan thuyền viên sẽ trả lương vào tài khoản, trả trực tiếp trên tàu hoặc trả cho gia đình theo ủy quyền mỗi tháng một lần.

- Ngoài quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi dành riêng cho người lao động được trích lập và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành, hàng năm HĐQT sẽ căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính, Quy chế khen thưởng vật chất hiện hành và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận sau kiểm toán để quyết định thưởng thêm hoặc phạt bổ sung tiền lương (ví dụ trường hợp không đạt kế hoạch lợi nhuận thì sẽ giảm 15% quỹ lương; vượt kế hoạch lợi nhuận đến 30% thì được thưởng tương đương 50% phần lợi nhuận vượt chỉ tiêu...).

- Ngoài chính sách phúc lợi được thực hiện trên cơ sở "Thỏa ước lao động tập thể" được Công đoàn - đại diện người lao động ký với Tổng giám đốc điều hành, DONG DO MARINE còn áp dụng các chính sách hỗ trợ như: Ưu tiên tuyển dụng đối với những trường hợp là con, em ruột của người lao động nếu đáp ứng yêu cầu tuyển dụng quy định tại Quy chế tuyển dụng lao động hiện hành; Trợ cấp khó khăn đột xuất khi bố mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con cái bị ốm đau, bệnh tật, tai nạn...; Thực hiện chính sách thăm hỏi, hiếu hỷ đối với người lao động theo quy định chung; Tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát (bằng nguồn quỹ phúc lợi) và được hưởng chế độ thưởng động viên vào các ngày lễ tết hoặc khi có công lao đột xuất...

- Mức lương bình quân của người lao động trong toàn Công ty Dong Do Marine năm 2010 là 12.368.000 VNĐ/người/tháng (bằng 111,4% kế hoạch năm).

c) Chế độ BHXH, BHYT, BHTN:

Được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ cho người lao động khi bị ốm đau, thai sản và chấm dứt HĐLĐ, về hưu...

d) Các chế độ khác:

Công ty đảm bảo trang bị đầy đủ Bảo hộ lao động, hệ thống phương tiện cứu sinh - cứu hỏa, PCCN, vệ sinh môi trường do đó trong năm không xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ trong quá trình hoạt động SXKD.

5) Những thay đổi thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát/Ban Giám đốc/Kế toán trưởng:

Năm 2010 không có sự thay đổi ở các chức danh trên.

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:

1 - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2010:

Trong năm 2010, HĐQT Công ty đã tiến hành các công tác quản lý và chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của Công ty cũng như thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HDQT tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường để thông qua các vấn đề theo nhiệm vụ và quyền hạn của HDQT. Các vấn đề thông qua với sự đồng thuận cao của các Thành viên HDQT.

HDQT cũng đã có nhiều sự ủng hộ, hỗ trợ cho Ban điều hành Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2010.

1.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2010:

Ban Kiểm soát có ba thành viên, trong đó có hai thành viên chuyên trách và một thành viên bán chuyên trách. Ban Kiểm soát đã triển khai việc tiếp cận, giám sát các hoạt động của toàn Công ty. Trên cơ sở quy chế làm việc, các thành viên Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được phân công, tham gia và đóng góp ý kiến theo chức trách trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng đưa ra các đánh giá bám sát theo hoạt động của Công ty tập trung ở những vấn đề sau:

- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010:

*. Tổ chức SXKD, tổ chức bộ máy quản lý Công ty: Những nội dung được HDQT phê duyệt trong năm 2010 là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành tăng cường công tác quản lý và tổ chức SXKD được tốt hơn, tạo điều kiện tốt nhất để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông giao.

*. Tình hình tài chính năm 2010 và việc bảo toàn phát triển vốn của Công ty: Hệ thống tài chính của Công ty là minh bạch và rõ ràng. Công tác kế toán tuân thủ theo đúng luật pháp, quy định đối với công ty cổ phần và các chuẩn mực kế toán.

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

*. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bản Điều lệ Công ty và luật pháp Việt Nam. Hoạt động của HDQT là đúng chức năng và tập trung vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty.

*. Hoạt động của Ban điều hành: Ban điều hành Công ty đã từng bước cố gắng khắc phục khó khăn, tận dụng mọi cơ hội có được để từng bước hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thể hiện tính quyết đoán, năng động trong điều hành, sử dụng năng động nguồn vốn của Công ty và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc quản lý doanh nghiệp.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xin xem Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY 



Bà Minh Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán*





NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Hàng Hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/06/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 19, Tháp Hoà Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Hòa Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quế Dương	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Minh Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Luân	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tịnh	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Tiến	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Trung	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Hưng	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Lục	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Hồng Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Tầng 19, Tháp Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



BÙI MINH HƯNG



Số: 416/2011/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được lập ngày 25 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 5A đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Đoàn

Chung chi KTV số: Đ052/KTV

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

Chung chi KTV số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		43.651.620.548	73.184.846.197
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.803.411.970	6.056.328.109
111 1. Tiền		21.803.411.970	6.056.328.109
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	21.300.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		-	21.300.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.256.717.188	39.437.486.733
131 1. Phải thu khách hàng		8.533.524.592	6.208.481.263
132 2. Trả trước cho người bán		553.682.990	870.915.564
135 5. Các khoản phải thu khác	4	5.294.007.107	32.358.089.906
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(124.497.501)	-
140 IV. Hàng tồn kho	7	3.830.362.420	3.887.896.084
141 1. Hàng tồn kho		3.830.362.420	3.887.896.084
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		3.761.128.970	2.503.135.271
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		504.512.550	81.969.745
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.912.761.201	767.995.337
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.991.866	1.991.866
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.341.863.353	1.651.178.323
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.293.393.768.449	1.391.894.992.815
220 II. Tài sản cố định		1.234.490.185.247	1.317.779.957.706
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.215.666.913.005	1.255.741.613.492
222 - Nguyên giá		1.473.112.566.174	1.465.911.641.239
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(257.445.653.169)	(210.170.027.747)
227 3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228 - Nguyên giá		18.000.000	18.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(18.000.000)	(18.000.000)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	18.823.272.242	62.038.344.214
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	44.316.984.878	59.094.130.675
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		59.800.000.000	59.094.130.675
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(15.483.015.122)	-
260 V. Tài sản dài hạn khác		14.586.598.324	15.020.904.434
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.511.168.324	13.945.474.434
268 3. Tài sản dài hạn khác		1.075.430.000	1.075.430.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.337.045.388.997	1.465.079.839.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		1.265.127.303.245	1.342.925.521.897
310 I. Nợ ngắn hạn		283.533.341.586	249.648.429.597
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	13	124.476.704.191	127.238.392.861
312 2. Phải trả người bán		68.286.950.209	66.844.877.778
313 3. Người mua trả tiền trước		592.253.315	6.380.761.784
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.116.897.533	733.399.091
315 5. Phải trả người lao động		4.229.183.776	4.880.737.616
316 6. Chi phí phải trả	15	75.598.850.159	31.520.819.137
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	7.142.261.313	7.545.688.939
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.090.241.090	4.503.752.391
330 II. Nợ dài hạn		981.593.961.659	1.093.277.092.300
333 3. Phải trả dài hạn khác	17	50.000.000	-
334 4. Vay và nợ dài hạn	18	974.761.483.326	1.093.099.610.800
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		52.574.000	177.481.500
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		6.729.904.333	-
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		71.918.085.752	122.154.317.115
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	71.918.085.752	122.154.317.115
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		122.444.950.000	122.444.950.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		4.621.485.000	4.621.485.000
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)		(30.000)	(30.000)
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(31.037.677.190)
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		6.202.644.961	6.202.644.961
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		3.101.322.481	3.101.322.481
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(64.452.286.690)	16.821.621.863
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.337.045.388.997	1.465.079.839.012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại			-	-
- Đô la Mỹ	USD		267.556,26	223.295,72
- Euro	EUR		-	63,74

Người lập biểu

NGUYỄN NGỌC TÚ

Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH AN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011
Tổng Giám đốc



BUI MINH HUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	297.392.809.339	275.320.279.018
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		297.392.809.339	275.320.279.018
11	4. Giá vốn hàng bán	21	194.530.884.600	216.286.835.534
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.861.924.739	59.033.443.484
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.700.317.315	1.906.698.728
22	7. Chi phí tài chính	23	179.934.786.611	75.235.725.040
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		78.242.974.290	65.310.769.040
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.412.765.655	14.200.121.414
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(87.785.310.212)	(28.495.704.242)
31	11. Thu nhập khác	24	18.363.358.280	49.013.237.895
32	12. Chi phí khác	25	4.893.670.621	19.393.986.763
40	13. Lợi nhuận khác		13.469.687.659	29.619.251.132
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(74.315.622.553)	1.123.546.890
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	408.473.294
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(74.315.622.553)	715.073.596
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(6.069)	58

Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC TÚ

Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH AN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



BÙI MINH HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010
Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	325.650.685.469	272.254.747.648
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(148.953.473.597)	(167.432.517.844)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(48.824.296.302)	(32.610.145.002)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(34.067.598.871)	(47.576.720.653)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(366.994.910)	(41.478.384)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	25.293.844.758	19.633.409.395
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(31.347.465.614)	(13.938.976.715)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	87.384.700.933	30.288.318.445
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(31.013.654.292)	(308.004.918.933)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	18.520.099.998	48.601.363.014
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(21.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	21.300.000.000	1.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(50.000.000)	(5.750.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	20.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.399.135.898	488.443.871
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	14.155.581.604	(264.965.112.048)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	83.173.505.497	404.732.931.276
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(162.717.827.815)	(184.547.426.622)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.091.743.400)	(2.002.792.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(85.636.065.718)	218.182.712.234
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	15.904.216.819	(16.494.081.369)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	6.056.328.109	22.137.075.000
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(157.132.958)	413.334.478
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 21.803.411.970	6.056.328.109

Người lập biểu

NGUYỄN NGỌC TÚ

Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH AN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011
Tổng Giám đốc



BÙ MINH HƯNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

3 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Hàng Hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/06/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 19, Tháp Hoà Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 122.444.950.000 đồng.

Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

- Văn phòng Công ty
- Các đơn vị trực thuộc, bao gồm:

Trung tâm thuyền viên (trực thuộc Văn phòng Công ty)	Số 21 Võ Thị Sáu, Hải Phòng
Chi nhánh Hải Phòng	Số 21 Võ Thị Sáu, Hải Phòng
Chi nhánh Nha Trang	Nha Trang, Khánh Hòa
Chi nhánh Hồ Chí Minh	62Bis, Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP HCM

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 10/06/2009 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận chuyển hàng hoá bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Đại lý hàng hoá;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Kinh doanh vật tư thiết bị hàng hoá;
- Trục vớt cứu hộ;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Tổ chức nạo vét vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình;
- Thi công nền móng mặt đường bộ, đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi và các dịch vụ xây dựng cơ bản khác;
- Đại lý và môi giới vận chuyển hàng hoá;
- Vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và du lịch lữ hành;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho thuyền viên.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 16 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Thời gian khấu hao của tàu Đông Thọ (mua trong năm 2007) thay đổi từ 12 năm lên 15 năm từ năm tài chính 2008 theo thời gian trong dự án khả thi trình Hội đồng quản trị được duyệt khi đầu tư, trong năm 2009, thời gian khấu hao của tàu Đông Du, Đông Mai cũng thay đổi từ 12 năm lên 15 năm.

Theo Công văn số 17274/BTC-TCĐN ngày 10/12/2009 của Bộ Tài chính, các Công ty cổ phần vận tải biển do Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối trong đó có Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được thực hiện trích khấu hao năm 2009 đối với đội tàu vận tải biển với mức giảm tối đa từ 30% đến 75% so với mức quy định tại QĐ số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003. Theo đó, mức giảm khấu hao tối đa cho 08 tàu biển đã đăng ký của Công ty là 50% so với mức khấu hao cơ bản theo qui định.

Trong năm 2010, theo Công văn số 2032/BTC-TCĐN ngày 15 tháng 02 năm 2011 về việc trích khấu hao đội tàu biển năm 2010 và 2011, Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô thực hiện trích khấu hao năm 2010 đối với đội tàu biển với mức giảm tối đa 50% so với mức quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Công ty đã giảm 50% mức khấu hao quy định đối với toàn đội tàu biển, chi phí khấu hao được giảm so với mức quy định là 45.920.691.447đ.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Năm 2009, Công ty xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Do đó, trong năm 2010, khi Công ty lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thanh đổi tỷ giá hối đoái" như trình bày ở trên thì toàn bộ chênh lệch tỷ giá được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán trong năm 2009 được ghi nhận toàn bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, số tiền là: 31.037.677.190 VND.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2315/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp thành lập mới theo qui định của pháp luật về khuyến khích đầu tư tại Nghị định 187/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ. Do đó, Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ 4 đơn vị hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được giảm 50% số thuế phải nộp.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	380.841.992	524.694.587
Tiền gửi ngân hàng	21.422.569.978	5.531.633.522
	<u>21.803.411.970</u>	<u>6.056.328.109</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	-	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	56.196.667
- Các khoản thu chi hộ	2.383.633	403.311.144
- Phải thu Tổng công ty	595.597.770	595.597.770
- Phải thu CNV về BHXH	-	121.825.000
- Công ty Sửa chữa Tàu biển Vinalines Đông Đô (*)	3.288.113.976	30.042.088.654
- Tiền dầu phải thu thuyền trưởng tàu Đông Du	459.761.709	417.243.386
- Khác	948.150.019	721.827.285
	<u>5.294.007.107</u>	<u>32.358.089.906</u>

(*) Số tiền Công ty Sửa chữa Tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS) còn phải trả sau khi đối trừ phần vốn góp Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô đã đăng ký với tổng giá trị tài sản, giá trị đầu tư xây lắp vào dự án chuyển giao cho VDS và toàn bộ số dư các khoản vay tín dụng để đầu tư cho dự án mà VDS sẽ tiếp tục kế thừa.

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(124.497.501)	-
	<u>(124.497.501)</u>	<u>-</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.830.362.420	3.887.896.084
	<u>3.830.362.420</u>	<u>3.887.896.084</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	1.311.863.353	1.621.178.323
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
	<u>1.341.863.353</u>	<u>1.651.178.323</u>

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	14.981.977.153	1.449.432.376.537	1.497.287.549	1.465.911.641.239
Số tăng trong kỳ	1.797.528.487	14.860.962.758	692.989.818	17.351.481.063
- Mua sắm TSCĐ trong kỳ	-	2.885.987.213	692.989.818	3.578.977.031
- Tăng khác	1.797.528.487	11.974.975.545	-	13.772.504.032
Số giảm trong kỳ	(3.979.686.131)	(5.822.579.527)	(348.290.470)	(10.150.556.128)
- Thanh lý, nhượng bán	(3.979.686.131)	(2.440.886.437)	(348.290.470)	(6.768.863.038)
- Giảm khác	-	(3.381.693.090)	-	(3.381.693.090)
Số dư cuối kỳ	<u>12.799.819.509</u>	<u>1.458.470.759.768</u>	<u>1.841.986.897</u>	<u>1.473.112.566.174</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.944.300.308	206.149.008.380	1.076.719.059	210.170.027.747
Số tăng trong kỳ	745.248.745	49.102.257.181	222.131.500	50.069.637.426
- Khấu hao TSCĐ trong kỳ	745.248.745	49.102.257.181	222.131.500	50.069.637.426
Số giảm trong kỳ	(1.468.047.060)	(1.077.674.474)	(248.290.470)	(2.794.012.004)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.468.047.060)	(1.077.674.474)	(248.290.470)	(2.794.012.004)
Số cuối kỳ	<u>2.221.501.993</u>	<u>254.173.591.087</u>	<u>1.050.560.089</u>	<u>257.445.653.169</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	12.037.676.845	1.243.283.368.157	420.568.490	1.255.741.613.492
Tại ngày cuối kỳ	<u>10.578.317.516</u>	<u>1.204.297.168.681</u>	<u>791.426.808</u>	<u>1.215.666.913.005</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng

1.198.149.225.110
597.219.360

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Trong đó:		
Dự án Ụ Nội, Nhà máy Sửa chữa tàu biển	16.968.911.151	60.466.915.645
Mua 10 xe kéo	-	1.571.428.569
Dự án nhà 47 Lương Khánh Thiện	1.854.361.091	-
	18.823.272.242	62.038.344.214

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	59.800.000.000	59.094.130.675
- Công ty Liên doanh DongDo Marine Japan Co.Ltd	-	176.286.266
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải Phòng	6.300.000.000	6.300.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	4.500.000.000	4.500.000.000
- Công ty Sửa chữa Tàu biển Vinalines - Đông Đô (VDS) (1)	49.000.000.000	48.117.844.409
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(15.483.015.122)	-
	44.316.984.878	59.094.130.675

(1): Vốn góp được ghi nhận vào Công ty Sửa chữa Tàu Biển Vinalines - Đông Đô gồm:

- Giá trị sổ sách đầu tư Ụ Nội, tàu kéo, xuồng cao tốc, ô tô	67.167.844.409
- Góp bằng tiền	1.000.000.000
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chuyển trả tiền góp vốn bằng TGNH	(20.000.000.000)
- Góp bổ sung bằng một phần giá trị các hạng mục công trình bàn giao	832.155.591
Cộng	49.000.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải Phòng	Hải Phòng	30%	30%	Vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển
2. Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Đông Đô (*)	Hà Nội	9%	9%	Dịch vụ giới thiệu và môi giới việc làm, kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải
3. Công ty Sửa chữa Tàu Biển Vinalines - Đông Đô	Hải Phòng	49%	49%	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải; máy móc thiết bị hàng hải; đại lý tàu biển; môi giới hàng hải; xây dựng công trình

(*) Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô giữ vị trí chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	176.139.638	1.289.943.835
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.335.028.686	12.183.274.785
<i>Chi phí trụ sở văn phòng Công ty</i>	<i>10.393.833.192</i>	<i>11.950.475.916</i>
<i>Chi phí bảo hiểm tai nạn thuyền viên</i>	<i>101.551.297</i>	<i>71.993.686</i>
<i>Bảo hiểm P&I</i>	<i>-</i>	<i>160.805.183</i>
<i>Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ</i>	<i>2.458.048.236</i>	
<i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>	<i>381.595.961</i>	<i>472.255.814</i>
	<u>13.511.168.324</u>	<u>13.945.474.434</u>

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.673.362.992	22.214.841.047
Vay ngân hàng	17.673.362.992	22.214.841.047
Nợ dài hạn đến hạn trả	106.803.341.199	105.023.551.814
(chi tiết xem Thuyết minh số 18)		
	<u>124.476.704.191</u>	<u>127.238.392.861</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Văn phòng Công ty

1. Hợp đồng vay số 1200-LAV-20080128, ngày 18/05/2010 với bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Tổng giá trị hạn mức là 25.000.000.000 VNĐ. Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 17.103.362.992 VNĐ. Lãi suất cho vay áp dụng riêng cho từng lần nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn cho vay là 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Thanh được quy định trong Hợp đồng bảo đảm tiền vay số 06072009/SGD-TCĐS, ngày 06/07/2009.

Chi nhánh Hải Phòng

1. Thỏa thuận vay tiền số 01/2010-CNHP ngày 22/03/2010 với bên cho vay là ông Phạm Văn Quang. Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 20.000.000 VNĐ, lãi suất 1,0%/ tháng, thời hạn vay từ ngày 24/03/2010 đến ngày 31/12/2010. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

2. Thỏa thuận vay tiền số 04/2008-CNHP ngày 04/10/2008 với bên cho vay là bà Nguyễn Thị Nhuận. Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 50.000.000 VNĐ, lãi suất 1,5%/ tháng, thời hạn vay 1 năm. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

3. Hợp đồng tín dụng số 0210/09NQ ngày 10/12/2009 với bên cho vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải - chi nhánh Hải Phòng. Tổng giá trị khoản vay là 500.000.000 VNĐ. Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là: 500.000.000 VNĐ. Lãi suất cho vay tùy theo từng khế ước. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn vay là 09 tháng. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản Xe đầu kéo container 16M-2993, 16R-3562, 16L-6272, 16R-3943.



14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.224.830.467	49.439.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	366.994.910
Thuế thu nhập cá nhân	892.067.066	284.553.050
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	32.411.300
	2.116.897.533	733.399.091

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	126.304.205	223.648.602
Chi phí lãi vay phải trả	75.472.545.954	31.297.170.535
	75.598.850.159	31.520.819.137

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	100.863.598	109.272.438
Bảo hiểm xã hội	1.205.305.460	1.016.589.807
Cổ tức phải trả	2.643.715.380	2.612.825.780
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.192.376.875	3.807.000.914
<i>Bảo hiểm bồi dưỡng sức khỏe</i>	47.861.324	71.669.024
<i>Bảo hiểm Pjico tạm ứng cho sự cố kè bờ NM SCTB</i>	231.068.400	231.068.400
<i>Phải trả cho tàu</i>	2.518.339.604	3.286.610.442
<i>Khác</i>	395.107.547	217.653.048
	7.142.261.313	7.545.688.939

17 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000	-
	50.000.000	-

18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	974.761.483.326	1.093.099.610.800
Vay ngân hàng	974.761.483.326	1.093.099.610.800
Vay đối tượng khác	-	-
	<u>974.761.483.326</u>	<u>1.093.099.610.800</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Văn phòng Công ty

1. Hợp đồng tín dụng số 15-12-2007/HĐTP ngày 25/02/2008; Bên cho vay là Ngân hàng TM CP Công Thương VN-CN Tô Hiệu Hải Phòng; Tổng giá trị khoản vay là 1.100.000.000 VND; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 541.250.000 VND trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 234.500.000 VND; Lãi suất cho vay là 12%/năm (+, - 3,5% năm); Lãi suất quá hạn là 18%/năm; Thời hạn vay là 5 năm; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 28/05/2008; Khoản vay được thế chấp bằng xe đầu kéo container 16L-7001, 16L-7031.

2. Hợp đồng vay số 01/2006/HĐTD ngày 30/06/2006; Bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 81.000.000.000 VND; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 62.434.000.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 9.000.000.000 VND; Lãi suất cho vay là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn vay là 120 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 06/2007; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Ba.

3. Hợp đồng vay số 02-06/HĐTD/SGD.NHNT- ĐĐ ngày 30/06/2006; Bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 19.000.000.000 VND; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 6.328.000.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 3.168.000.000 VND; Lãi suất cho vay là lãi suất 12 tháng VND trả sau + 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng 1 lần; Lãi suất quá hạn bằng 140% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 72 tháng + 03 tháng ân hạn; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 02/2007; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Ba.

4. Hợp đồng vay số 06/2006/HĐTD ngày 08/12/2006; Bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 122.778.000.000 VND; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 115.956.000.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 13.644.500.000 VND; Lãi suất cho vay là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 132 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 12/2007; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Phú.

5. Hợp đồng vay số 06122006/HĐTD, ngày 06/12/2006; Bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 56.720.000.000 VND; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 36.091.676.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 4.812.216.000 VND; Lãi suất cho vay là lãi suất 12 tháng VND trả sau + 3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 120 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 03/2008; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Phú.

6. Hợp đồng vay số 2903/2004/SGD-VISERITRANS, ngày 29/03/2004; Bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 5.200.000 USD; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 1.950.000 USD, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 650.000 USD; Lãi suất cho vay là lãi suất 12 tháng USD trả sau + 2,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 120 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 11/2004; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Phong.

7. Hợp đồng vay số 2308/2004/SGD-VISERITRANS, ngày 23/08/2004; Bên cho vay là Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 5.675.000 USD; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 2.376.406,26 USD, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 673.906,32 USD; Lãi suất cho vay là lãi suất Sibor 6 tháng + 2,25%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 120 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 01/2005; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông An.

8. Hợp đồng vay số 2076/HĐTD/TH-PN/TCB-CTCPHH ĐÔNG ĐÔ, ngày 20/03/2007; Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Techcombank Đông Đô; Tổng giá trị khoản vay là 8.075.000 USD; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 4.859.926 USD, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 897.240 USD; Lãi suất cho vay là lãi suất Sibor 6 tháng + 1,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 108 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 06/2007; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Thọ.

9. Hợp đồng vay số 2035/IVBDD-HDDH/2008, ngày 07/03/2008; Bên cho vay là NH TNHH INDOVINA - Chi nhánh Đồng Đa; Tổng giá trị khoản vay là 12.665.000 USD; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 11.270.043,5USD; Theo Biên bản làm việc ngày 25 tháng 08 năm 2010, ngân hàng không quy định số nợ gốc Công ty phải trả trong năm tới; Lãi suất cho vay là lãi suất Sibor 6 tháng + 2,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 108 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 05/2008; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Du.

10. Hợp đồng vay số 15/08/HHĐĐ-MSB, ngày 28/03/2008; Bên cho vay là NH TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên; Tổng giá trị khoản vay là 12.669.000 USD; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 11.350.509,36 USD; Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 605.921,55 USD; Lãi suất cho vay là lãi suất Sibor 6 tháng + 2,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn vay là 108 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 07/2008; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Mai.

11. Hợp đồng vay số 1200LAV200901434/HĐTD, ngày 06/7/2009; Bên cho vay là Sở Giao dịch - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Tổng giá trị khoản vay là 14.705.000 USD; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 13.602.125 USD, trong đó số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 1.167.577 USD; Lãi suất cho vay là lãi suất tiền USD 12 tháng trả sau + 2,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Thời hạn vay là 120 tháng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 10/2009; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Đông Thanh.

Chi nhánh Hải Phòng

1. Hợp đồng tín dụng số 01011209/CB/HP-TPB/TH.09 ngày 01/12/2009; Bên cho vay là Ngân hàng TM CP Tiên Phong CN Hải Phòng; Tổng giá trị khoản vay 500.000.000 VNĐ; Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 314.500.000 VNĐ; Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 168.000.000 VNĐ; Lãi suất cho vay là 18,62%/năm, lãi suất quá hạn là 18%/năm. Thời hạn vay 3 năm đến tháng 12/2012. Ngày trả nợ gốc đầu tiên tháng 12/2009; Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là xe đầu kéo container 16L-9275, 16L-9245.

2. Hợp đồng tín dụng số 01090610/CB/HP-TPB/TH.1 ngày 09/06/2010, Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN Hải Phòng. Tổng giá trị khoản vay là 300.000.000 VNĐ. Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 là 216.000.000 VNĐ; Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới là 150.000.000 VNĐ; Lãi suất là 20,24%/năm; Lãi suất quá hạn là 22,95%/năm. Thời hạn vay đến tháng 06/2012. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là tháng 06/2010. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là xe ô tô biển số 16N-2091.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 1.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	Tỷ lệ %	01/01/2010 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	68.545.730.000	55,98	68.545.730.000	55,98
Vốn góp của các đối tượng khác	53.899.220.000	44,02	53.899.220.000	44,02
- Do pháp nhân nắm giữ	-		-	
- Do thể nhân nắm giữ	53.899.220.000	44,02	53.899.220.000	44,02
	122.444.950.000	100,00	122.444.950.000	100,00

* Số lượng cổ phiếu quỹ

3

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.444.950.000	122.444.950.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	122.444.950.000	122.444.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.122.246.000	4.615.618.200
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay		

d) Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.244.495	12.244.495
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.244.495	12.244.495
- Cổ phiếu phổ thông	12.244.495	12.244.495
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3	3
- Cổ phiếu phổ thông	3	3
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.244.492	12.244.492
- Cổ phiếu phổ thông	12.244.492	12.244.492
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.202.644.961	6.202.644.961
Quỹ dự phòng tài chính	3.101.322.481	3.101.322.481
	9.303.967.442	9.303.967.442

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	297.392.809.339	275.320.279.018
	<u>297.392.809.339</u>	<u>275.320.279.018</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	194.530.884.600	216.286.835.534
	<u>194.530.884.600</u>	<u>216.286.835.534</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	752.463.891	352.410.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.590.475.340	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	357.378.084	1.554.287.839
	<u>5.700.317.315</u>	<u>1.906.698.728</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	78.242.974.290	65.310.769.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.533.653.062	1.966.774.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	77.067.802.912	7.958.181.353
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	15.483.015.122	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	176.286.266	-
Chi phí tài chính khác	431.054.959	-
	<u>179.934.786.611</u>	<u>75.235.725.040</u>

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thanh lý tài sản	16.836.454.544	48.601.363.014
Bảo hiểm bồi thường	265.075.000	152.848.370
Chênh lệch tiền đầu	192.643.616	204.210.661
Chi phí sửa chữa tàu Đông Thọ được Kansai thanh toán	908.135.120	-
Khác	161.050.000	54.815.850
	<u>18.363.358.280</u>	<u>49.013.237.895</u>

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.974.851.034	14.993.093.840
Chi phí tai nạn, sửa chữa tàu	143.690.000	693.674.388
Vật tư tàu Đông Sơn	-	2.971.951.220
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	721.269.843
Tiền phạt chậm nộp thuế	298.422.636	-
Khác	476.706.951	13.997.472
	4.893.670.621	19.393.986.763

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(74.315.622.553)	1.123.546.890
+ Lợi nhuận khác của hoạt động không được ưu đãi thuế	(75.045.994.845)	23.536.005.260
+ Lợi nhuận của hoạt động được ưu đãi thuế	1.205.081.194	(22.412.458.370)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.666.852.368	510.346.284
- Tiền nộp phạt	298.422.636	
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	1.368.429.732	510.346.284
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.590.475.340)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.590.475.340)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	(77.239.245.525)	1.633.893.174
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	408.473.294
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	366.994.910	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(366.994.910)	(41.478.384)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	366.994.910

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(74.315.622.553)	715.073.596
Các khoản điều chỉnh:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(74.315.622.553)	715.073.596
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.244.492	12.244.492
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.069)	58



28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng HP	Công ty liên kết	3.779.573.410	17.856.538.299
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	239.916.614
Vay ngắn hạn			
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng HP	Công ty liên kết	-	5.400.000.000
Cho vay ngắn hạn			
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	1.300.000.000
Sử dụng dịch vụ vận chuyên			
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng HP	Công ty liên kết	-	337.359.717
Phải trả tiền vật tư khi bán tàu			
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	2.971.951.220
Phí sửa chữa tàu			
- Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinaline- Đông Đô	Công ty liên kết	2.429.751.584	-
Chi phí cho tàu			
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	1.432.708.108	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng HP	Công ty liên kết	898.647.752	-
Mua xe ô tô			
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	450.328.608	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Phải thu			
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng HP	Công ty liên kết	1.400.257.195	1.041.374.167
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	1.760.199.855
Phải trả			
- Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinaline- Đông Đô	Công ty liên kết	165.550.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải Đông Đô	Công ty liên kết	39.147.650	-



29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC TÚ

Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH AN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



BÙI MINH HƯNG



Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	(30.000)	-	4.886.807.438	2.443.403.719	159.011.905.352	24.615.289.195	159.011.905.352	1.973.756.285	715.073.596	(31.037.677.190)	(8.508.740.928)	122.154.317.115	122.154.317.115
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	1.315.837.523	657.918.762	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(31.037.677.190)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	(30.000)	(31.037.677.190)	6.202.644.961	3.101.322.481	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863	16.821.621.863
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức 2009 (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	31.037.677.190	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	(30.000)	-	6.202.644.961	3.101.322.481	(64.452.286.690)	64.452.286.690	64.452.286.690	64.452.286.690	64.452.286.690	64.452.286.690	64.452.286.690	64.452.286.690	64.452.286.690

(*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên ngày 19 tháng 04 năm 2010, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2009 tổng số tiền là 6.122.246.000 VND (tương đương 500 VND/ cổ phần)

